TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2023/DS-ST
Ngày 27 – 12 – 2023
"T/c HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Liêm

Ông Trương Công Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 682/2023/TLST- DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 415/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Mỹ N, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã LVL, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thành R, sinh năm 1979 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trương Mỹ N trình bày:

Từ ngày 20/7/2023 đến tháng 11/2023 chị N cho anh R mượn tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 20/7/2023 chị N chuyển khoản cho anh R 8.000.000 đồng; Ngày 25/7/2023 chị N chuyển khoản cho anh R 30.000.000 đồng; Ngày 27/7/2023 chị N chuyển khoản cho anh R 40.000.000 đồng; Ngày 20/10/2023 chị N chuyển khoản cho anh R 12.800.000 đồng; Ngoài ra chị N còn cho anh R mượn tiền mặt hai lần khác với tổng số 13.500.000 đồng nhưng không nhớ ngày tháng, không làm biên nhận nợ.

Khi mượn tiền, anh R hứa thời hạn 01 tháng sẽ trả lại cho chị nhưng đến hạn anh R không trả, vì vậy chị N khởi kiện yêu cầu anh R trả tổng số 104.300.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn anh Huỳnh Thành R trình bày: Anh R không thừa nhận có mượn tiền của chị N, việc chị N có chuyển tiền vào tài khoản của anh là do anh đưa tiền cho chị N nhờ chuyển dùm, vì vậy anh R không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị N khởi kiện yêu cầu anh R trả tiền do anh R mượn của chị N – tức vay thỏa thuận không lãi suất. Ngược lại anh R không thừa nhận có mượn tiền của chị N, việc chị N có chuyển tiền vào tài khoản của anh R là do anh R đưa tiền cho chị N nhờ chuyển dùm, vì vậy anh R không đồng ý trả, từ đó các bên phát sinh tranh chấp. Xét thấy quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên đương sự được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.1] Từ ngày 20/7/2023 đến ngày 20/10/2023 chị N có chuyển tiền vào tài khoản số 333337988888 của anh R thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội 04 lần, tổng số tiền theo chứng từ chuyển khoản chị N đã chuyển cho anh R là 90.800.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh R cung cấp chứng từ chứng minh từ ngày 03/7/2023 đến ngày 05/9/2023 anh R có chuyển tiền vào tài khoản số 66696966669999 của chị N thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần kỷ thương Việt Nam 11 lần, tổng số tiền theo chứng từ chuyển khoản anh R đã chuyển cho chị N là 50.050.000 đồng. Việc chị N chuyển tiền cho anh R thông qua tài khoản ngân hàng và ngược lại, đã được chị N và anh R cùng thừa nhận, mặc khác anh R cũng thừa nhận nội dung file ghi âm do chị N cung cấp, nên xét thấy đây là những tình tiết không phải chứng minh.

[2.2] Anh R cho rằng, sỡ dĩ có việc chị N chuyển tiền vào tài khoản của anh là do anh đưa tiền cho chị N nhờ chuyển dùm. Ngược lại, chị N không thừa nhận có sự việc này. Hội đồng xét xử thấy rằng, ngoài lời trình bày anh R có đưa chị N số tiền 90.800.000 đồng để nhờ chị N chuyển dùm vào tài khoản anh R, thì anh R không có chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình là đúng. Vì vậy Hội đồng xét xử, không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của anh R.

[2.3] Theo nội dung file ghi âm ngày 07/9/2023, anh R hứa sẽ thanh toán cho chị N trong hạn 15 ngày, tuy nhiên đến ngày xét xử sơ thẩm anh R không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán tiền cho chị N. Tại phiên tòa, chị N đồng ý đối trừ khoản tiền anh R đã chuyển khoản cho chị N 50.050.000 đồng, đối trừ theo chứng từ chuyển khoản, chị N yêu cầu anh R trả số tiền chênh lệch còn lại 40.750.000 đồng xét thấy là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.4] Ngoài ra chị N còn trình bày, đối với khoản tiền mặt chị giao trực tiếp cho anh R mượn hai lần, bằng tổng số tiền là 13.500.000 đồng, do anh R không làm biên nhận nợ, anh R cũng không thừa nhận số tiền trên, vì vậy chị N không yêu cầu anh R phải trả số tiền này. Do chị N không yêu cầu anh R trả đối với khoản tiền 13.500.000 đồng này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.5] Quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu anh R trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Mỹ N nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch anh Huỳnh Thành R phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Mỹ N. Buộc anh Huỳnh Thành R phải thanh toán cho chị Trương Mỹ N số tiền 40.750.000 đồng (Bốn mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Trương Mỹ N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Thành R không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm anh Huỳnh Thành R phải chịu 2.037.500 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Chị Trương Mỹ N không phải chịu án phí. Ngày 13/11/2023 chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 1.658.000 đồng theo biên lai thu số 0007590 và ngày 12/12/2023 chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 950.000 đồng theo biên lai thu số 0007781 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, chị N được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố C
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)